

Số: 71 /2021 /QĐST- HNGĐ

*Triệu S, ngày 08 tháng 04 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 77/2021/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Doãn Thị T, sinh năm 1999.

HKTT: Thôn Trúc Chuẩn 2, xã Đồng Tiến, huyện Triệu S, Thanh H.

Chỗ ở hiện nay: Đại Từ 1, xã Đông T, huyện Đông S, tỉnh Thanh H

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Trúc Chuẩn 2, xã Đồng T, huyện Triệu S, Thanh H.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82 và Điều 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Chị Doãn Thị T, sinh năm 1999.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1998

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Doãn Thị T và anh Đỗ Văn T1.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung, tên cháu là Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 01/7/2020. Ly hôn vợ chồng anh chị thỏa thuận giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T1 không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị T.

- *Về tài sản và phần nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị T nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị Ty đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001301 ngày 08 tháng 03 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại chị T 150.000đ án phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận***

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu S
- UBND xã Đồng Tiến
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thủy**

